ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 8690 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 22 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật số 144/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 615/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo Báo cáo số 1384/BC-VP ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổng hợp ý kiến Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4034/TTr-SXD ngày 06 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi ranh giới; quy mô diện tích lập quy hoạch

a) Phạm vi nghiên cứu, phạm vi lập quy hoạch

Phạm vi lập quy hoạch chung đô thị Tân Châu bao gồm toàn bộ diện tích theo ranh giới hành chính của các xã Tân Châu và xã Tân Phú theo Đề án số 350/ĐA-CP ngày 09/5/2025 của Chính phủ sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh; phạm vi ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc: Giáp xã Tân Hội;

- Phía Nam: Giáp xã Dương Minh Châu và phường Bình Minh;

- Phía Đông: Giáp xã Tân Thành và hồ Dầu Tiếng;

- Phía Tây: Giáp xã Thạnh Bình và xã Trà Vong.

b) Quy mô diện tích lập quy hoạch khoảng 157,85 km^2 gồm toàn bộ diện tích hành chính của các xã Tân Châu và xã Tân Phú hiện nay theo Đề án số 350/ĐA-CP ngày 09/5/2025 của Chính phủ sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh (diện tích chính xác xác định khi lập quy hoạch, theo hồ sơ khảo sát, quản lý sử dụng đất ngành Nông nghiệp và Môi trường quản lý);

c) Thời hạn lập quy hoạch đến năm 2050, giai đoạn ngắn hạn đến năm 2035.

2. Mục tiêu lập quy hoạch chung đô thị

- Xác định quy mô, tính chất và định hướng phát triển không gian, kiến trúc cảnh quan của đô thị Tân Châu.

- Cụ thể hóa các định hướng quy hoạch tỉnh Tây Ninh tại đô thị Tân Châu.

- Khai thác và phát huy các tiềm năng, lợi thế của xã Tân Châu và Tân Phú, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững.

- Đảm bảo tính đồng bộ về không gian cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội (y tế, giáo dục, văn hóa), hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp thoát nước, năng lượng), và phát triển hài hòa giữa các khu vực trong ranh giới quy hoạch.

- Làm cơ sở triển khai lập quy hoạch chi tiết các khu chức năng, các dự án đầu tư xây dựng và công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Đề xuất danh mục các chương trình đầu tư, dự án chiến lược từng giai đoạn.

- Làm cơ sở để lập kế hoạch đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho đô thị mới Tân Châu.

3. Tính chất, chức năng (nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung khi lập quy hoạch)

- Đô thị Tân Châu là đô thị giữ vai trò trung tâm phát triển kinh tế – xã hội khu vực phía Bắc tỉnh Tây Ninh.

- Là đầu mối giao thông và trung chuyển hàng hóa của khu vực, hỗ trợ phát triển kinh tế biên mậu, thúc đẩy thương mại, xuất nhập khẩu và giao lưu kinh tế vùng biên giới.

- Là khu vực có vị trí quan trọng về quốc phòng – an ninh, góp phần bảo vệ chủ quyền biên giới và giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

4. Sơ bộ dự báo phát triển

a) Quy mô dự báo:

- Quy mô dân số: Giai đoạn đến năm 2035, dân số đô thị Tân Châu khoảng 65.000 người, đến năm 2050 khoảng 80.000 người.

- Quy mô lao động: Đến năm 2035 khoảng 35.000 người, đến năm 2050 là khoảng 45.000 người.

- Quy mô đất xây dựng: Đến năm 2035 khoảng 365 ha, đến năm 2050 khoảng 431 ha.

b) Chỉ tiêu, tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật:

Khu vực hiện trạng, cải tạo, chỉnh trang lựa chọn chỉ tiêu phát triển trên cơ sở kế thừa quy hoạch được duyệt, kế thừa hiện trạng và đảm bảo quy định; Khu vực có quy hoạch, dự án cần được rà soát theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng và cần luận cứ, thuyết minh phù hợp để kiểm soát phát triển bền vững, trường hợp điều chỉnh quy hoạch, dự án phải đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng và quy định hiện hành; Khu vực phát triển mới áp dụng chỉ tiêu, tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật đối với đô thị loại III theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng và quy định hiện hành:

STT	Nội dung, loại công trình	Đơn vị tính	Quy mô, chỉ tiêu theo QCVN:01 (tối thiểu)
I	Đất dân dụng	m^2/người	50 - 80
	Đất dân dụng khu vực đô thị	m^2/người	50 - 80
	Đất đơn vị ở	m^2/người	28 - 45
	Đất đơn vị ở xây mới	m^2/người	28 - 45
II	Hệ thống các công trình dịch vụ - công cộng	m^2/người	5 - 7
1	Giáo dục		
	Trường mầm non đơn vị ở	cháu/1.000 người	50
		m^2/cháu	12
		m^2/người dân	0,6

	Trường tiểu học đơn vị ở	học sinh/1.000 người	65
		m^2/học sinh	10
		m^2/người dân	0,65
	Trường trung học cơ sở đơn vị ở	học sinh/1.000 người	55
		m^2/học sinh	10
		m^2/người dân	0,55
	Trường trung học phổ thông cấp đô thị	học sinh /1.000 người	40
		m^2/học sinh	10
		m^2/người dân	0,4
2	Y tế		
	Trạm y tế đơn vị ở	m^2/trạm	500
	Công trình y tế cấp đô thị (bệnh viện đa khoa)	giường/1.000 người	4
		m^2/giường bệnh	100
		m^2/người dân	0,4
3	Văn hóa – thể dục thể thao		
	Sân chơi đơn vị ở	m^2/người	0,5
	Sân luyện tập đơn vị ở	m^2/người ha/công trình	0,5 0,3
	Sân thể thao cơ bản đô thị	m^2/người ha/công trình	0,6 1,0
	Sân vận động đô thị	m^2/người ha/công trình	0,8 2,5
	Trung tâm văn hóa thể thao		
	- Cấp đơn vị ở	m^2/công trình	5.000
	- Cấp đô thị	m^2/người ha/công trình	0,8 3
	Nhà văn hóa/Cung văn hóa	chỗ/1.000 người ha/công trình	8 0,5
	Nhà thiếu nhi/Cung thiếu nhi	chỗ/1.000 người ha/công trình	2 1
4	Thương mại		
	Chợ cấp đơn vị ở	m^2/c.trình	2000
	Chợ cấp đô thị	ha/c.trình	1
	Thương mại dịch vụ		
5	Bãi đỗ xe	m^2/người	04
III	Cây xanh		
	Cây xanh sử dụng công cộng đô thị (tối thiểu, không bao gồm đất cây xanh sử dụng công cộng trong đơn vị ở)	m^2/người	5,0
	Đất cây xanh đơn vị ở	m^2/người	2,0
IV	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật		
1	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị đến tính đến đường khu vực	%	13
2	Cấp nước (100% dân đô thị được cấp nước)		
	- Sinh hoạt	l/ng-ng.đ	120
	- Công cộng dịch vụ	lít/ m^2 sàn/ ngđ	2
	- Trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông	lít/học sinh/ngđ	15
	- Trường mầm non	lít/cháu/ngđ	75
	- Tưới cây	lít/m^2/ngđ	3

	- Rửa đường	lít/m^2/ngđ	0,4
3	Thoát nước thải (tiêu chuẩn lựa chọn theo từng đối tượng; ≥ 80% nước thải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường)		
	- Sinh hoạt	l/ng-ng.đ	120
	- Công cộng dịch vụ	lít/ m^2 sàn/ngđ	2
4	Rác thải	kg/ng-ng.đ	0,9
5	Cấp điện		
	- Sinh hoạt	W/người	500
	- Công cộng dịch vụ	%/ chỉ tiêu sinh hoạt	35

5. Các yêu cầu nghiên cứu quy hoạch

Yêu cầu thực hiện tuân thủ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024, Luật số 144/2025/QH15 năm 2025; Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025, Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và quy định hiện hành; thể hiện tuân thủ quy hoạch đã được phê duyệt:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội; hiện trạng phân bố khu dân cư nông thôn, đô thị (nếu có) và các khu chức năng; sự biến động về dân số trong vùng lập quy hoạch; hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai; hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh trong phạm vi quy hoạch và có liên quan; hiện trạng tài nguyên và môi trường; hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đối với vùng lập quy hoạch; đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Đánh giá hiện trạng, chương trình, dự án đầu tư, dự án đầu tư ngoài ngân sách, dự án khu đô thị và khu dân cư đang được triển khai thực hiện trên địa bàn có liên quan phạm vi lập quy hoạch. Xác định các vấn đề cơ bản cần giải quyết.

- Đánh giá điều kiện tự nhiên và môi trường, các đặc điểm tự nhiên của khu vực về địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy hải văn, thủy lợi, địa chất công trình, địa chấn..., đặc điểm cảnh quan sinh thái của khu vực trong mối liên kết với các khu vực xung quanh; đánh giá ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên tới khu vực quy hoạch và phát triển khu vực và đánh giá quỹ đất xây dựng trên cơ sở phân vùng xây dựng.

- Hiện trạng về dân số, lao động, đặc điểm kinh tế - xã hội: Phát triển dân cư, thống kê tỉ lệ dân số, lao động; mức độ phát triển kinh tế, khả năng tăng trưởng, thu hút nguồn nhân lực, nguồn vốn đầu tư; đánh giá lịch sử phát triển, văn hóa xã hội trong khu vực, những ảnh hưởng tác động môi trường văn hóa lịch sử quá trình phát triển kinh tế, văn hóa và đời sống của cư dân.

- Hiện trạng về sử dụng đất và kiến trúc cảnh quan: Đánh giá tình hình sử dụng đất khu vực lập quy hoạch theo các chức năng; lưu ý đối với công trình di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo và các khu vực cần đảm bảo về quốc phòng, an ninh. Thống kê sử dụng đất, đánh giá các vấn đề tồn tại về sử dụng đất cần giải quyết; thực hiện khoanh

vùng vùng bảo vệ cảnh quan, môi trường và các khu vực tự nhiên có giá trị.

- Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, môi trường; đánh giá ưu điểm, tồn tại của hệ thống hạ tầng kỹ thuật, môi trường cần giải quyết, tham mưu đề xuất.

- Tổng hợp, rà soát, phân tích đánh giá chương trình, dự án đầu tư khu đô thị, dân cư triển khai thực hiện trên địa bàn có liên quan phạm vi lập quy hoạch; rà soát mức độ triển khai, phân loại từng dự án so với tổng thể chung toàn khu.

- Đánh giá tổng hợp hiện trạng, phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức; vấn đề cần giải quyết, nghiên cứu hướng đến phát triển bền vững.

- Đánh giá, phân tích làm rõ vai trò, mối liên hệ vùng, hạ tầng cấp vùng (nhất là giao thông) của đô thị Tân An và phần mở rộng; đánh giá tính kết nối đồng bộ của liên kết không gian, hạ tầng kỹ thuật khung và kết nối giao thông.

- Yêu cầu về cơ sở dữ liệu hiện trạng: Nguồn bản đồ nền địa hình, tài liệu, số liệu, thông tin hiện trạng: Yêu cầu bảo đảm chất lượng, độ tin cậy, nguồn và pháp lý; đảm bảo tính khoa học, đảm bảo số lượng, độ dài chuỗi dữ liệu thời gian lập quy hoạch (năm liền kề năm dự báo) phục vụ phân tích, dự báo khả thi.

- Yêu cầu về cơ sở dữ liệu hiện trạng: Nguồn bản đồ nền địa hình, tài liệu, số liệu, thông tin hiện trạng: Yêu cầu bảo đảm chất lượng, độ tin cậy, nguồn và pháp lý rõ ràng; đảm bảo tính khoa học, đảm bảo số lượng, độ dài chuỗi dữ liệu theo thời gian lập quy hoạch (năm liền kề năm dự báo) phục vụ phân tích, dự báo khả thi.

- Yêu cầu sử dụng công nghệ GIS để lập quy hoạch chung đô thị.

- Phương hướng phát triển tại quy hoạch tỉnh, phương án quy hoạch tại quy hoạch tỉnh và các dự án đang triển khai tác động đến phạm vi lập quy hoạch.

b) Xác định mục tiêu, tính chất và động lực phát triển; luận cứ, xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với khu vực được định hướng phát triển đô thị;

c) Đánh giá, dự báo các tác động của điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành đã được phê duyệt đến định hướng phát triển của đô thị.

Dự báo các chỉ tiêu phát triển: tỷ lệ đô thị hóa, quy mô dân số, đất đai, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đối với đô thị và các khu chức năng khu vực đô thị.

d) Xác định nguyên tắc, tiêu chí làm cơ sở để lựa chọn và lựa chọn phương án cơ cấu phát triển đô thị;

đ) Định hướng phát triển không gian: Xác định mô hình và hướng phát triển đô thị; phạm vi, quy mô các khu chức năng trong phạm vi quy hoạch; khu hiện hữu, khu chỉnh trang, cải tạo, khu cần bảo tồn, tôn tạo; các khu chuyển đổi chức năng; khu phát triển mới; khu cấm xây dựng, các khu dự trữ phát triển; định hướng và nguyên tắc phát triển đối với từng khu chức năng; hệ thống trung tâm hành

chính, trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, thể dục thể thao, công viên, cây xanh và không gian mở; trung tâm chuyên ngành cấp đô thị.

- Nghiên cứu tổng thể, định hướng phát triển đối với từng chức năng trong đô thị gồm khu hiện hữu, khu phát triển mới; phân định khu vực thực hiện, phát triển dự án; khu vực cải tạo, chỉnh trang dân cư đô thị (nếu có); nghiên cứu đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật (khung, giao thông; đầu mối cấp khu vực), hạ tầng xã hội, dân cư và đề xuất tổng thể giải pháp về môi trường, cấp, thoát nước và các vấn đề cần xem xét, nghiên cứu, đề xuất phát triển đảm bảo đồng bộ.

- Đề xuất các cấu trúc tổ chức không gian khu đô thị đảm bảo phát huy giá trị và tiềm năng của khu vực; đề xuất phát triển không gian đô thị trên cơ sở khai thác lợi thế về khả năng khai thác quỹ đất, gắn kết các chức năng, cảnh quan, địa hình,...

- Xác định các vùng kiến trúc, cảnh quan, các trục không gian chính, quảng trường, cửa ngõ của các khu vực phát triển, điểm nhấn không gian; đề xuất giải pháp chính về tổ chức không gian, kiến trúc. Đảm bảo sự gắn kết, liên hệ giữa các khu vực hiện có với các khu vực phát triển mới về không gian kiến trúc cảnh quan, các mối quan hệ về kinh tế, cũng như nhu cầu và khả năng đáp ứng các dịch vụ hạ tầng xã hội. Đảm bảo tổ chức không gian và các khu chức năng phù hợp để tạo động lực phát triển kinh tế, hài hòa về mặt xã hội và môi trường. Lưu ý xác định cụ thể các ô đất, khu đất quy hoạch xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân phục vụ khu công nghiệp. Xác định hệ thống trung tâm khu đô thị, trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, thể dục thể thao, công viên, cây xanh và không gian mở, bãi đỗ xe.

- Xác định theo phạm vi các đơn vị hành chính của đô thị: Trung tâm đô thị, trung tâm các khu đô thị, các đơn vị hành chính thuộc đô thị gồm khu hành chính, khu đô thị, các tuyến phố chính, các khu trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, thể dục thể thao, công viên, cây xanh và không gian mở, các bãi đỗ xe.

- Đối với các khu vực hiện trạng cải tạo (nếu có), chú trọng tính toán nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tận dụng các quỹ đất có thể chuyển đổi chức năng để bổ sung các công trình công cộng thiết yếu, tổ chức hệ thống không gian mở công cộng. Xác định các khu tái định cư phù hợp, đảm bảo an cư cho người dân khi chuyển đổi.

- Đối với các khu vực di tích lịch sử, các khu vực tôn giáo tín ngưỡng (nếu có) xác định biện pháp gìn giữ, bảo tồn và giải pháp liên kết hài hòa với đô thị. Khu vực cần đảm bảo quốc phòng, an ninh tuân thủ ý kiến của cơ quan chức năng, có định hướng quy hoạch đảm bảo hài hòa trong khu vực quy hoạch phân khu.

- Quy hoạch chức năng sử dụng đất với từng chức năng theo cơ cấu được xác định; tính toán và xác định chỉ tiêu quy hoạch, quy mô sử dụng từng ô đất; xác định chỉ tiêu sử dụng đất chính ô đất xây dựng theo từng chức năng; lập các bảng biểu chỉ tiêu, cân bằng sử dụng đất; xác định hệ thống số liệu sử dụng đất.

e) Định hướng sử dụng đất quy hoạch theo các giai đoạn quy hoạch; xác định quy mô sử dụng đất đối với các khu chức năng theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 16/2025/TT-BXD; xác định chỉ tiêu về dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất;

g) Thiết kế đô thị: Nghiên cứu lập theo quy định hiện hành có liên quan;

h) Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật gồm: Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao; tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe; xác định chỉ giới đường đỏ trục chính trong phạm vi quy hoạch và hệ thống hào, tuy nen kỹ thuật; xác định nhu cầu và nguồn cung cấp nước, năng lượng; tổng lượng nước thải, rác thải; vị trí, quy mô công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối chính của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng, thông tin liên lạc, thoát nước và công trình xử lý nước thải; vị trí, quy mô khu xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và công trình khác.

Lưu ý xác định cụ thể về công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật cấp đô thị và cấp khu ở, đơn vị hành chính trong đô thị (vị trí, quy mô, công suất, phạm vi phục vụ, …) trên cơ sở tập trung đánh giá, kế thừa định hướng, chủ trương đã phê duyệt và định hướng quy hoạch (theo giai đoạn) để đảm bảo vận hành theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, tình hình thực tế, nhu cầu, yêu cầu quản lý, phát triển.

i) Đề xuất giải pháp về bảo vệ môi trường: Thiết lập khu vực bảo vệ, phục hồi môi trường do tác động của hoạt động đầu tư xây dựng công trình; yêu cầu về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm trong quá trình đầu tư xây dựng theo quy hoạch;

k) Lập kế hoạch thực hiện theo giai đoạn phát triển, thời kỳ quy hoạch tỉnh.

6. Hồ sơ sản phẩm: Thành phần, số lượng hồ sơ quy hoạch chung tuân thủ quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy định hiện hành liên quan; thể hiện tuân thủ các quy hoạch đã được phê duyệt.

7. Quy định về lấy ý kiến quy hoạch chung đô thị thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy định hiện hành có liên quan

8. Tổ chức thực hiện lập quy hoạch

- Tên quy hoạch: Quy hoạch chung đô thị Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Tỷ lệ lập quy hoạch 1/10.000; quy hoạch sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật khu vực dự án, khu trung tâm, khu vực có quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã được duyệt thể hiện tỷ lệ 1/5.000 hoặc tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ quy hoạch đô thị và nông thôn được duyệt căn cứ cơ sở dữ liệu nền và các quy hoạch đang quản lý.

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Cơ quan thẩm định quy hoạch: Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh.

- Cơ quan lập quy hoạch: Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao các đơn vị sau đây tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về lập quy hoạch

a) Sở Xây dựng:

- Chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định, đảm bảo đúng các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định pháp luật hiện hành; chịu trách nhiệm về quá trình tổ chức thẩm định đúng theo các trình tự, thủ tục quy định pháp luật hiện hành.

- Lưu trữ nhiệm vụ quy hoạch phê duyệt tại Quyết định này theo quy định.

- Tổ chức lập quy hoạch chung đô thị theo nhiệm vụ quy hoạch được duyệt

b) Tổ chức tư vấn: Công ty TNHH quản lý xây dựng và đô thị miền Nam chịu trách nhiệm về nội dung nghiên cứu, số liệu dự báo, xác định, tính toán tại Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phê duyệt tại Quyết định này.

c) Ủy ban nhân dân xã Tân Châu, xã Tân Phú có trách nhiệm:

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình lập; lấy ý kiến; góp ý kiến và đề xuất các định hướng, nội dung Quy hoạch chung đô thị Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo nhiệm vụ quy hoạch phê duyệt tại quyết định này và các quy hoạch được duyệt, quy định hiện hành có liên quan;

- Tổng hợp ý kiến góp ý của cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị tại địa phương về nội dung quy hoạch chung đô thị trên địa bàn mình quản lý theo đúng quy định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Châu, xã Tân Phú; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, Nguyên.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thanh